

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

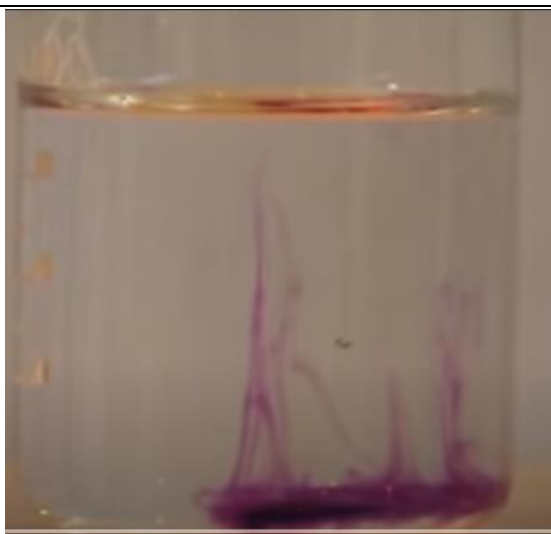
Tuần 8-Tiết 16

BÀI 7

BÀI THỰC HÀNH 2: SỰ LAN TOÀN CỦA CHẤT

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Thí nghiệm: HS quan sát hình, nêu hiện tượng xảy ra 1. Thí nghiệm 1: Sự lan tỏa của amoniac Thí nghiệm 2: Sự lan tỏa của thuốc tím: Cốc 1 : Cho thuốc tím vào , để yên. Quan sát sự đổi màu của nước ở những chỗ có thuốc tím. Cốc 2: Cho thuốc tím vào, khuấy đều. ⇒ So sánh màu của nước trong 2 cốc . Giải thích.

**Cốc 1****Cốc 2**

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Các em hoàn thành phiếu thực hành thông qua phần hướng dẫn trên.

Tên TN	Quan sát, giải thích, trả lời câu hỏi
Thí nghiệm 1 Sự lan toả của Amoniac	- Quan sát thí nghiệm và giải thích vì sao phải thử trước với dd NH_3 - Quan sát hiện tượng đổi màu giấy quỳ tím
Thí nghiệm 2 Sự lan toả của KMnO_4 (thuốc tím) trong nước	- Quan sát sự đổi màu của nước ở những chỗ có thuốc tím So sánh màu của nước trong 2 cốc

2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Hóa	1. 2.	1. 2.

NỘI DUNG GHI BÀI

Bài 7: BÀI THỰC HÀNH 2: SỰ LAN TỎA CỦA CHẤT

Tên TN	Quan sát, giải thích, trả lời câu hỏi
Thí nghiệm 1 Sự lan tỏa của Amoniac	- Quan sát thí nghiệm và giải thích vì sao phải thử quỳ tím trước với dd NH_3 phải thử quỳ tím trước với dd NH_3 để biết dd amoniac làm quỳ tím hóa xanh. - Quan sát hiện tượng đổi màu giấy quỳ tím ẩm Quỳ tím ẩm hóa xanh vì do hơi NH_3 từ trong bông đậy ống nghiệm bay ra (lan tỏa ra)
Thí nghiệm 2 Sự lan tỏa của KMnO_4 (thuốc tím) trong nước	Cốc 1: Quan sát sự đổi màu của nước ở những chỗ có thuốc tím . Những chỗ có thuốc tím nước sẽ có màu tím, sau đó màu thuốc tím từ từ lan ra hết cốc. So sánh màu của nước trong 2 cốc Màu của cốc (2) gần như màu của cốc (1) do thuốc tím có khả năng khuếch tán trong dung dịch.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tuần 10
LUYỆN TẬP

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Kiến thức cần nhớ: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trả lời các câu hỏi sau: 1. Vật thể gồm mấy loại? Kể tên? 2. Chất tinh khiết là gì? Hỗn hợp là gì? 3. Dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lí, có những cách nào tách chất ra khỏi hỗn hợp? 4. Nguyên tử là gì? Hãy nêu cấu tạo của nguyên tử? 5. Nguyên tố hoá học là gì? 6. Đơn chất là gì? Hợp chất là gì? 7. Nêu ý nghĩa của công thức hoá học? 8. Hãy phát biểu quy tắc hóa trị? 9. Hiện tượng vật lí là gì? Hiện tượng hóa học là gì? 10. Điều kiện để phản ứng hoá học xảy ra là gì? 11. Dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra là gì?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	II. Bài tập: Các em làm 40 câu trắc nghiệm.

**NỘI DUNG GHI BÀI
LUYỆN TẬP**

Câu 1: Hãy chỉ ra dãy nào chỉ gồm toàn vật thể tự nhiên:

- A. Ấm nhôm, bình thuỷ tinh, nôi đất
- B. Xenlulozo, kẽm, vàng
- C. Bút chì, thước kẻ, tập sách
- D. Nước biển, ao, hồ, suối.

Câu 2: Vật thể nhân tạo là:

- A. Con gà
- B. Dòng sông.
- C. Xe ô tô.
- D. Con người.

Câu 3: : Chất tinh khiết là chất

- A. Chất lẫn ít tạp chất

- B. Chất không lẫn tạp chất
- C. Chất lẫn nhiều tạp chất
- D. Có tính chất thay đổi

Câu 4: Cách hợp lí để tách muối từ nước biển là

- A. Lọc
- B. Bay hơi
- C. Chưng cất
- D. Để yên thì muối sẽ tự lắng xuống

Câu 5: Vỏ nguyên tử được tạo nên từ loại hạt nào sau đây

- A. Electron
- B. Proton
- C. Proton, nơtron, electron
- D. Proton, nơtron

Câu 6: Hạt nhân nguyên tử cấu tạo bởi:

- | | |
|-----------------------|-------------------------------|
| A. Proton và electron | C. Proton và nơtron |
| B. Nơtron và electron | D. Proton, nơtron và electron |

Câu 7: Kí hiệu hoá học của nguyên tố Iron (sắt) là

- A. S
- B. I
- C. Te
- D. Fe

Câu 8: C, H, S lần lượt là kí hiệu hóa học của các nguyên tố nào:

- A. Carbon, Hydrogen, Silicon
- B. Calcium, Hydrogen, Silicon
- C. Carbon, Hydrogen, Sulfur
- D. Calcium, Hydrogen, Sulfur

Câu 9: Nguyên tử X nặng gấp 3,5 lần nguyên tử Oxygen. Kí hiệu hóa học của X là

- A. N
- B. O
- C. Fe
- D. Cu

Câu 10: Phương pháp để tách dầu ăn ra khỏi nước là

- A. Lọc
- B. Chiết
- C. Chưng cất.
- D. Làm bay hơi.

Câu 11: Phương pháp lọc dùng để tách một hỗn hợp gồm:

- | | |
|---------------------|--------------------|
| A. Muối ăn với nước | B. Muối ăn với cát |
| C. Đường với nước | D. Nước với cát |

Câu 12: Cách viết nào sau đây là sai:

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A. 4 nguyên tử Sodium: 4Na | C. 1 nguyên tử Nitrogen: N |
| B. 3 nguyên tử Calcium: 3C | D. 2 nguyên tử Iron: 2Fe |

Câu 13: Hoá trị của một nguyên tố được xác định theo hoá trị của nguyên tố khác như thế nào?

- a. H chọn làm 2 đơn vị.
- b. O chọn làm 1 đơn vị.
- c. H chọn làm 1 đơn vị, O chọn làm 2 đơn vị.
- d. H chọn làm 2 đơn vị, O chọn làm 1 đơn vị.

Câu 14: Trong nguyên tử, hạt nào mang điện tích âm:

- a. Electron
- b. Notron
- c. Proton
- d. Proton và notron

Câu 15: Số là số đặc trưng của một nguyên tố hoá học:

- a. Proton
- b. Notron
- c. Electron
- d. Electron và Notron

Câu 16: Cho biết các chất sau đây, chất nào là đơn chất?

- a. Nước do nguyên tố Hydrogen và Oxi tạo Oxygen.
- b. Khí Chlorine do nguyên tố Chlorine tạo ra.
- c. Đất đèn do 2 nguyên tố Carbon và Calcium tạo ra.
- d. Đá vôi do nguyên tố Carbon, nguyên tố Calcium và nguyên tố Oxygen tạo ra.

Câu 17: Hai nguyên tử Hydrogen được viết là

- A. H_2 B. $2H_2$ C. $2H$ D. $4H$.

Câu 18: Công thức hóa học nào sau đây viết sai?

- A. Na_2OH B. HCl C. H_2O D. H_2SO_4 .

Câu 19: Khi nhóm bếp than người ta thường đập nhỏ than ra, mục đích của việc này để:

- A. làm than cháy chậm hơn.
- B. làm than không bị nổ.
- C. làm tăng diện tích tiếp xúc giữa than và oxygen.
- D. làm than nhìn có vẻ nhiều hơn.

Câu 20: Từ công thức hóa học của $CuSO_4$ có thể suy ra được những gì
(Cho $Cu = 64$; $S = 32$; $O = 16$)

- A. Có 3 nguyên tố: copper, sulfur, oxygen
- B. Có 3 nguyên tử O trong phân tử
- C. Phân tử khối là 96 đvC
- D. Tất cả đáp án

Câu 21: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và (1)..... về điện. Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ tạo bởi (2)..... mang (3).....”

- A. (1) trung hòa; (2) hạt nhân; (3) điện tích âm
- B. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron; (3) không mang điện
- C. (1) không trung hòa; (2) một hạt electron; (3) điện tích dương
- D. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron ; (3) điện tích âm

Câu 22: Các nguyên tố Hydrogen, Calcium, Oxygen lần lượt có kí hiệu hóa học là:

- A. H, Ca, O
- B. He, C, O
- C. H, Cu, O
- D. He, Ca, O

Câu 23: Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24. Nguyên tử O nặng hay nhẹ hơn nguyên tử Mg?

- A. O nặng hơn Mg
- B. Mg nhẹ hơn O
- C. O bằng Mg
- D. O nhẹ hơn Mg

Câu 24: Nguyên tử khối là khối lượng của một nguyên tử tính bằng đơn vị:

- A. Đơn vị Carbon (đvC)
- B. Gam
- C. Kilôgam
- D. Lít

Câu 25: Trong các chất sau hãy cho biết dãy nào chỉ gồm toàn đơn chất?

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, NO, C, S
- B. Mg, K, S, C, N_2
- C. Fe, NO_2 , H_2O
- D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, KCl, HCl

Câu 26: Cho nguyên tố C có nguyên tử khối là 12, Mg là 24. Phát biểu nào sau đây đúng

- A. Mg nặng hơn C là 2 lần
- B. Mg nhẹ hơn C là 2 lần
- C. C nặng bằng Mg
- D. Mg nặng hơn C là 0.5 lần

Câu 27: Chất nào là hợp chất

- A. S
- B. C
- C. H_2
- D. CO_2

Câu 28: Biết C=12; H=1. Phân tử khối của CH_4 bằng:

- A. 12 đvC
- B. 13 đvC
- C. 16 đvC
- D. Không tính được phân tử khối

Câu 29: Phân tử XO_2 có nguyên tử khối gấp 22 lần phân tử khối của tử Hydrogen (H_2). Em hãy tính nguyên tử khối của X cho biết X là nguyên tố nào sau đây:

- A. Nguyên tử khối của X là 22; không tìm được tên nguyên tố X
- B. Nguyên tử khối của X là 28; X là nguyên tố Silicon
- C. Nguyên tử khối của X là 12; X là nguyên tố Carbon
- D. Nguyên tử khối của X là 44; không tìm được tên nguyên tố X

Câu 30: Viết công thức hóa học của hợp chất có 1 nguyên tử Na, 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử O trong phân tử:

- A. NaNO
- B. NaNO_3

C. NaN_3O

D. Không có hợp chất thỏa mãn

Câu 31: $3\text{H}_2\text{O}$ nghĩa là :

A. Ba phân tử nước

B. Có nguyên tố nước trong hợp chất

C. Ba nguyên tố oxygen

D. Ba nước.

Câu 32:

Xác định hóa trị của nguyên tố Cu trong CuSO_4 . Biết nhóm SO_4 hóa trị II

A. Hóa trị I

B. Hóa trị II

C. Hóa trị III

D. Hóa trị IV

Câu 33: Tính hóa trị của C trong CO biết O hóa trị là II

A. I

B. II

C. III

D. Không xác định

Câu 34: Trong hợp chất carbon dioxide có CTHH là CO_2 , carbon có hoá trị

A. II

B. III

C. IV

D. V

Câu 35: Lập công thức hóa học của P(V) với O (II)

A. PO

B. P_2O_5

C. P_5O_2

D. PO_2

Câu 36 :Các công thức hóa học nào là đúng:

A. KCl, AlO, S

B. Na, BaO, CuSO_4

C. BaSO_4 , CO, BaOH

D. SO_4^{2-} , Cu, Mg

Câu 37: Hiện tượng nào sau đây là hiện tượng vật lí:

a. Băng tan

b. Nến cháy bị nóng chảy

c. Nước chảy đá mòn

d. Đốt cháy lưu huỳnh sinh ra khí lưu hình đioxit

A. không có hiện tượng nào là hiện tượng vật lí

B. a,b,c

C. a,b

D. c,d

Câu 38: Dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hóa học xảy ra là

A. Không có chất mới sinh ra.

B. Có chất mới sinh ra có tính chất khác với chất ban đầu về : màu sắc.

C. Có chất mới sinh ra có tính chất khác với chất ban đầu về : trạng thái, có tỏa nhiệt và phát sáng.

D. Có chất mới sinh ra có tính chất khác với chất ban đầu về : màu sắc, trạng thái, có tỏa nhiệt và phát sáng.

Câu 39: Đốt cháy kim loại Magnesium Mg trong không khí thu được sản phẩm là Magnesium oxide MgO. Biết Magnesium cháy là xảy ra phản ứng với khí Oxygen.

Phương trình chữ của phản ứng trên là:

- A. Magnesium + không khí $\rightarrow$ Magnesium oxide
- B. Magnesium Mg + không khí $\rightarrow$ Magnesium oxide MgO
- C. Magnesium Mg + khí Oxygen $\rightarrow$ Magnesium oxide MgO
- D. Magnesium + khí Oxygen $\rightarrow$ Magnesium oxide

Câu 40: Trong phòng thí nghiệm, Bạn An thí nghiệm sau: cho dung dịch hydro chloric acid vào ống nghiệm chứa zinc (kẽm) thấy có sủi bọt khí. Theo em có phản ứng hóa học xảy ra không? Dấu hiệu chứng tỏ phản ứng này có xảy ra là gì?

- A. Không có phản ứng xảy ra.
- B. Có phản ứng xảy ra vì có dấu hiệu là dung dịch hydro chloric acid sôi.
- C. Có phản ứng xảy ra vì có dấu hiệu là có sủi bọt khí.
- D. Có phản ứng xảy ra nhưng không có dấu hiệu phản ứng.

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
D	C	B	B	A	C	D	A	C	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
B	B	C	A	A	B	C	A	C	D
Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24	Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30
D	A	D	A	B	A	D	C	C	B
Câu 31	Câu 32	Câu 33	Câu 34	Câu 35	Câu 36	Câu 37	Câu 38	Câu 39	Câu 40
A	B	B	C	B	B	B	D	D	C